TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2018
V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Đặng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-DS ngày 10/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Đường P, tổ dân phố A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Tạm trú tại: Đường H, tổ dân phố X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Việt P, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Trú tại: Đường P, Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày :

Chị N kết hôn với anh Nguyễn Việt P trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 11/4/2007. Quá trình chung sống, chị và anh P chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, anh P đánh đập chị. Sự việc xảy ra nhiều lần làm cho

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị và anh P đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy giữa chị và anh P không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Việt P.

Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 29/9/2007. Khi ly hôn, chị N đồng ý để anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A. Về cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị N và anh P không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Việt P trình bày:

Anh P kết hôn với chị Trần Thị Thanh N vào ngày 11/4/2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế gia đình vợ chồng không có sự thống nhất nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xô xát. Anh và chị N đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị có xảy ra, đã kéo dài rất trầm trọng không thể khắc phục được. Do đó nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì nguyện vọng của anh P đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh P và chị N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 29/9/2007. Anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay thu nhập của anh khoảng 5.000.000đ/tháng từ việc đi làm công nhân, anh có nơi ở ổn định, đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh P và chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh P và chị N không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 70; 71; 72; 96; 97; 195; 196; 203; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh N, cho chị N được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 29/9/2007 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh P không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị N, anh P xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị N, anh P xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị Thanh N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Việt P. Đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn anh Nguyễn Việt P hiện đang trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên hòa giải bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Việt P vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Việt P đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 11/4/2007, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các đương sự đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị N và anh P đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Sự việc xảy ra nhiều lần, anh P và chị N đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2016 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị N và anh P đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, chị N và anh P đều có nguyện vọng được ly hôn vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Việt P có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 29/9/2007. Khi ly hôn, chị N và anh P đều có nguyện vọng giao cháu Quỳnh A cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyện vọng của cháu Quỳnh A cũng xin được ở với bố. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Việt P xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- *Về công nợ chung*: Chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Việt P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh N.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Việt P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 29/9/2007 cho anh Nguyễn Việt P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị Trần Thị Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Việt P xác định không có nên không giải quyết.

4. Về công nợ chung: Chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Việt P xác định không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị N đã nộp tại biên lai số 0005595 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT B, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đại Minh